

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/DSST

Ngày: 25/8/2017

*V/v tranh chấp: “Hợp đồng
dân sự vay tài sản và góp hui”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY- TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Châu Tiếp.

Ông Đoàn Văn Phôi.

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2017/TLST-DS ngày 24/5/2017 về việc tranh chấp “*Hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐXX-ST ngày 03/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: A, sinh năm 1958; (tên gọi khác là dì A) (có mặt)

Địa chỉ: Khu M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: B, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn A trình bày: Ngày 27/11/2015 âm lịch, bà có cho chị B vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay 01 tháng sẽ trả lại vốn và lãi. Chị B có viết cho bà một biên nhận tiền và bà đã giao đủ số tiền trên cho chị B;

Ngoài ra, bà là chủ thảo và có cho chị B tham gia các dây hui như sau:

Dây hui thứ nhất: Hui bắt đầu vào ngày 10/11/2014 âm lịch, hui 5.000.000 đồng, chị B tham gia một phần, dây hui này 20 người tham gia, hui kết thúc vào ngày 10/6/2016 âm lịch, chị B hốt hui vào kỳ thứ hai thành tiền là 72.840.000 đồng, chị B đã đóng được 10 kỳ nên còn nợ lại 07 kỳ chưa đóng thành tiền là 35.000.000 đồng;

Dây hui thứ hai: Hui bắt đầu vào ngày 30/4/2015 âm lịch, hui 5.000.000 đồng, chị B tham gia một phần, dây hui này 20 người tham gia, hui kết thúc vào ngày 30/11/2016 âm lịch, chị B hốt hui vào kỳ thứ tư thành tiền là 77.800.000 đồng, chị B đã đóng được 03 kỳ nên còn nợ lại 13 kỳ chưa đóng thành tiền là 65.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị B còn là chủ thảo hội tuần, bà có tham hội như sau:

Hội bắt đầu vào ngày 23/5/2015 âm lịch, hội 300.000 đồng, bà tham gia hai phần, đây hội này 32 người tham gia, hội kết thúc vào ngày 15/01/2016 âm lịch, bà đã đóng được 27 kỳ thành tiền 13.500.000 đồng.

Bà A yêu cầu chị B trả số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền hai đây hội do bà làm chủ thảo 100.000.000 đồng.

Đối với đây hội do chị B làm chủ thảo mà chị B còn nợ bà 13.500.000 đồng, bà yêu cầu được rút lại yêu cầu này. Sau này, bà sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà A rút một phần yêu cầu khởi kiện về đây hội ngày 10/11/2014 âm lịch, chị B còn nợ lại 07 kỳ chưa trả thành tiền là 35.000.000 đồng và đây hội do chị B làm chủ thảo mà chị B còn nợ bà 13.500.000 đồng ;

Bà A yêu cầu chị B trả số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền đây hội ngày 30/5/2015 do bà làm chủ thảo 65.000.000 đồng. Tổng cộng là 115.000.000 đồng, thời gian trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật;

Tại phiên tòa, chị B vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hội*” được quy định tại Điều 471 và Điều 479 Bộ luật Dân Sự năm 2005;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án, hòa giải và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị B theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, chị B vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân Sự xét xử vắng mặt chị B.

Tại phiên tòa, nguyên đơn A rút một phần yêu cầu khởi kiện về đây hội ngày 10/11/2014 âm lịch, chị B còn nợ lại 07 kỳ chưa trả thành tiền là 35.000.000 đồng và đây hội do chị B làm chủ thảo mà chị B còn nợ bà 13.500.000 đồng việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà A là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này của bà A và bà A được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

Các đương sự không có yêu cầu xem xét về thời hạn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

Xét yêu cầu khởi kiện của bà A buộc chị B trả cho bà A số tiền vay 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo lời trình bày của bà A, vào ngày 27/11/2015, bà A có cho chị B vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 4%/tháng, thời hạn vay 01

tháng sẽ trả lại vốn và lãi. Chị B có viết cho bà A một biên nhận tiền và bà A đã giao đủ số tiền trên cho chị B;

Căn cứ vào biên nhận ngày 27/11/2015 do bà A cung cấp thì bà A (hay còn gọi là dì A) có cho chị B vay số tiền 50.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời gian trả là 27 ngày kể từ ngày vay tiền và hết thời hạn trả số tiền trên nhưng chị B không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà A;

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, các chứng cứ do bà A cung cấp cho chị B nhưng chị B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này và chứng cứ do bà A cung cấp. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như chị B không có phản đối gì đối với yêu cầu của bà A về số tiền vay 50.000.000 đồng;

Từ những luận cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 27/11/2015, bà A có cho chị B vay số tiền 50.000.000 đồng và chị B chưa trả số tiền trên cho bà A. Bà A khởi kiện yêu cầu chị B trả số tiền trên là có cơ sở. Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A cho nên cần buộc chị B trả cho bà A số tiền vay 50.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà A buộc chị B trả cho bà A số tiền hụi 65.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo lời trình bày của bà A thì chị B có tham gia dây hụi do bà A làm chủ thảo như sau: Hụi bắt đầu vào ngày 30/4/2015 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, chị B tham gia một phần, dây hụi này 20 người tham gia, hụi kết thúc vào ngày 30/11/2016 âm lịch, chị B hốt hụi vào kỳ thứ tư với tiền 77.800.000 đồng, chị B đã đóng được 03 kỳ nên còn nợ lại 13 kỳ chưa trả là 65.000.000 đồng;

Ngày 05/8/2015 âm lịch, giữa bà A và chị B có kết toán lại số tiền và có lập một biên nhận với nội dung là mượn tiền và chị A phải trả (trả tiền hụi chết) là 80.000.000 đồng. Chị B có nghĩa vụ trả tiền mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến ngày 05/12/2016 âm lịch thì sẽ trả hết số tiền nợ hụi trên nhưng chị B trả được 03 lần với số tiền 15.000.000 đồng nên còn nợ 65.000.000 đồng;

Căn cứ vào biên nhận ngày 05/8/2015 âm lịch do bà A cung cấp thì bà A (hay còn gọi là dì A) có thể hiện chị B có nợ bà A số tiền 80.000.000 đồng;

Tại phiên tòa, bà A trình bày chị B đã trả cho bà được 15.000.000 đồng nên còn nợ 65.000.000 đồng;

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, các chứng cứ do bà A cung cấp cho chị B nhưng chị B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này và các chứng cứ do bà A cung cấp. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như chị B không có phản đối gì đối với yêu cầu của bà A về số tiền hụi 65.000.000 đồng.

Từ những luận cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 30/4/2015 âm lịch, bà A có cho chị B tham gia dây hụi 5.000.000 đồng, chị B đã hốt hụi vào kỳ thứ tư thành tiền là 77.800.000 đồng, chị B đã trả được 03 kỳ là 15.000.000 đồng nên còn nợ 13 kỳ chưa trả là 65.000.000 đồng. Bà A khởi kiện yêu cầu của chị B trả số tiền trên là có cơ sở. Vì thế Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu của bà A cho nên cần buộc chị B trả cho bà A số tiền hui là 65.000.000đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà A về thời gian trả tiền buộc chị B trả số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền hui 65.000.000đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu này của bà A là có cơ sở, bởi vì việc chậm trả tiền của chị B cho bà A là đã xâm phạm đến quyền lợi và kéo dài thời gian trả tiền cho bà A;

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về thời gian trả nợ của bà A cho nên cần buộc chị B có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền hui 65.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại án phí cho bà A theo quy định.

Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 479, Điều 471 Bộ luật Dân Sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 233, 244 và khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

Buộc chị B có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền 115.000.000 (một trăm mười lăm triệu) đồng (trong đó tiền vay 50.000.000 đồng và tiền hui 65.000.000 đồng);

Thời gian thực hiện trả tiền làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà A về dây hui ngày 10/11/2014 âm lịch, chị B còn nợ 35.000.000 đồng và dây hui do chị B làm chủ thảo mà chị B còn nợ 13.500.000 đồng.

3. Về án phí: Chị B phải chịu 5.750.000 (năm triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.087.500 đồng theo biên lai thu số 0000808 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với B vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

TAND tỉnh Tiền Giang;
VKSND thị xã P;
Chi cục THADS thị xã P;
Các đương sự;
Lưu: HS, AV.

Trương Vĩnh Hữu